



GT.0000027577

ĐÌNH NGHỊ - TS. VŨ THỊ HẢI YẾN
(Đồng chủ biên)

Giáo trình

LUẬT SỞ HỮU
TRÍ TUỆ

GUYÊN
LIỆU



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TS. LÊ ĐÌNH NGHỊ - TS. VŨ THỊ HẢI YẾN (*Đồng chủ biên*)
ThS. NGUYỄN NHƯ QUỲNH - ThS. NGUYỄN THỊ TUYẾT

GIÁO TRÌNH
LUẬT SỞ HỮU
TRÍ TUỆ

(Tái bản lần thứ tư)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Biên soạn:

- 1. TS. Lê Đình Nghị** – *Chương 4*
- 2. ThS. Nguyễn Như Quỳnh** – *Chương 1, chương 2 (Phần 1)*
- 3. ThS. Nguyễn Thị Tuyết** – *Chương 5*
- 4. TS. Vũ Thị Hải Yến** – *Chương 2 (Phần 2,3,4), Chương 3*

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	5
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ	7
I – Khái niệm và đặc điểm quyền sở hữu trí tuệ	7
II – Sơ lược quá trình phát triển của hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ thế giới và Việt Nam	13
III – Các bộ phận cấu thành quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật Việt Nam	23
CHƯƠNG 2: QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN LIÊN QUAN	30
PHẦN I: QUYỀN TÁC GIẢ	30
I – Đối tượng của quyền tác giả	30
II – Chủ thể của quyền tác giả	36
III – Nội dung, giới hạn quyền tác giả	38
PHẦN II: QUYỀN LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN TÁC GIẢ	47
I – Đối tượng và điều kiện bảo hộ quyền liên quan	47
II – Chủ thể của quyền liên quan	53
III – Nội dung, giới hạn và thời hạn bảo hộ quyền liên quan	57
PHẦN III: CHUYỂN GIAO QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN	70
I – Chuyển nhượng quyền tác giả, quyền liên quan	71
II – Chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan	74
PHẦN IV: ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN	76
CHƯƠNG 3: QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP	78
PHẦN I: ĐỐI TƯỢNG CỦA QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ	78
I – Sáng chế (Inventions)	80
II – Kiểu dáng công nghiệp (Industrial designs)	86
III – Thiết kế bố trí mạch tích hợp (Integrated circuit designs)	90
IV – Nhân hiệu (Trademarks)	92
V – Tên thương mại (Trade names)	105
VI – Chỉ dẫn địa lý (Geographical indications)	107
VII – Bí mật kinh doanh (Trade secrets)	115
PHẦN II: XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP	118
I – Xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên cơ sở đăng ký và được cấp văn bằng bảo hộ	118
II – Xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên cơ sở thực tiễn sử dụng	126

PHẦN III: CHỦ THỂ, NỘI DUNG VÀ GIỚI HẠN QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP	127
I – Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp	127
II – Nội dung quyền sở hữu công nghiệp	128
PHẦN IV: CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP	135
I – Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp	136
II – Chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	140
CHƯƠNG 4: BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG	150
I – Đối tượng của quyền đối với giống cây trồng	151
II – Điều kiện bảo hộ giống cây trồng	152
III – Xác lập quyền đối với giống cây trồng	156
IV – Chủ thể, nội dung và giới hạn quyền đối với giống cây trồng	158
V – Chuyển giao quyền đối với giống cây trồng	163
CHƯƠNG 5: BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ	167
I – Pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	167
II – Xác định hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	171
III – Các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	181
Tài liệu tham khảo	192

Lời nói đầu

Pháp luật sở hữu trí tuệ có vai trò quan trọng trong việc ghi nhận và bảo vệ quyền của các chủ thể đối với kết quả của hoạt động sáng tạo, đảm bảo sự lành mạnh của các quan hệ xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tập thể và các cá nhân trong điều kiện hội nhập và phát triển.

Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 ra đời đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống pháp luật nước ta trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của các chủ thể. Trên cơ sở Luật Sở hữu trí tuệ, một loạt các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ cũng được ban hành nhằm cụ thể hoá các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ để áp dụng vào thực tế.

Qua một thời gian áp dụng, Luật Sở hữu trí tuệ 2005 đã bộc lộ những thiếu sót nhất định cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước cũng như phù hợp với tình hình thế giới khi Việt Nam đã là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Xuất phát từ lý do này, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XII, tại kỳ họp thứ 5 đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 vào ngày 19/6/2009 và Luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.

Để phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy, tìm hiểu các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, tập thể tác giả hiện đang công tác tại Trường Đại học Luật Hà Nội đã tổ chức biên soạn cuốn giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ. Đây là cuốn giáo trình được biên soạn công phu, là tài liệu học tập, tham khảo hữu ích đối với các sinh viên, học viên thuộc các trường đào tạo ngành Luật cũng như đồng đạo bạn đọc muốn tìm hiểu về pháp luật sở hữu trí tuệ.

Mặc dù đã rất cố gắng trong khi biên soạn, nhưng chắc chắn giáo trình không tránh khỏi những khiếm khuyết. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của đồng nghiệp và bạn đọc để giáo trình được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sắp tới.

Mọi góp ý xin gửi về Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề, 25 Hàn Thuyên - Hà Nội.

TẬP THỂ TÁC GIẢ

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

I – KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

1.1. Khái niệm quyền sở hữu trí tuệ

Đã từ lâu, những thành quả sáng tạo của con người được thừa nhận đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế, xã hội và văn hoá của mỗi quốc gia. Các nhà kinh tế học cổ điển và hiện đại đều thống nhất rằng, quá trình tăng trưởng kinh tế được thúc đẩy bởi hai nguồn chính: (i) vốn và lao động; (ii) công nghệ (trong đó bao gồm tài sản trí tuệ). Tương quan của hai nguồn này đang dần thay đổi. *“Tài sản hữu hình như đất đai, lao động và tiền vốn đã từng là tiêu chuẩn so sánh tình trạng kinh tế, điều đó nay không còn đúng nữa. Động lực mới tạo ra sự thịnh vượng trong xã hội đương thời là tài sản dựa trên tri thức.”*¹ Trước tình hình đó, thừa nhận và bảo vệ tài sản trí tuệ và quyền đối với tài sản trí tuệ là một trong những yêu cầu cần thiết ở mọi thời đại. Mục đích của việc công nhận và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là nhằm khuyến khích sáng tạo, phân chia và sử dụng hiệu quả nguồn tài sản trí tuệ, hài hoà lợi ích của chủ thể sáng tạo và các chủ thể khác trong xã hội.

Cho đến nay, có bốn lập luận được sử dụng làm cơ sở cho công nhận và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.² Cụ thể: (i) lập luận pháp luật tự nhiên (the natural law thesis); (ii) lập luận bù đắp chi phí cho chủ thể sáng tạo (the reward thesis); (iii) lập luận khuyến khích sáng tạo (the incentive thesis); (iv) lập luận mở thông tin sáng tạo (disclosure thesis).

Theo lập luận pháp luật tự nhiên: chủ thể sáng tạo đương nhiên có các quyền đối với tài sản trí tuệ do họ sáng tạo ra và xã hội phải thừa nhận cũng như bảo vệ những quyền này. Những độc quyền mà chủ thể sáng tạo có được chính là sự thừa nhận của xã hội đối với quyền sở hữu trí tuệ. Lập luận này dựa trên lý thuyết của Hegel về tài

¹ Kamil Idris, *Sở hữu trí tuệ - Một công cụ đắc lực để phát triển kinh tế*, Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, trang 54 (bản Tiếng Việt).

² Về lập luận bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, xem: *Jessica Silbey, The Mythical Beginnings of Intellectual Property*, *George Mason Law Review*, Volume 15, Winter 2008, Number 2.

sản trí tuệ với sự nhấn mạnh tự do chiếm hữu tài sản trí tuệ.³ Cách tiếp cận này được thể hiện trong Hiến chương Liên hiệp quốc về quyền con người năm 1948 và Công ước quốc tế của Liên hiệp quốc về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966. Theo các công ước này: mọi người đều nhận được “*sự bảo hộ đối với các lợi ích tinh thần và vật chất phát sinh từ sự sáng tạo khoa học, văn học hoặc nghệ thuật mà họ là tác giả*” (Điều 27, Hiến chương Liên hiệp quốc về quyền con người; Điều 15 (1) (c) Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá).

Theo lập luận bù đắp chi phí cho chủ thể sáng tạo, chủ thể sáng tạo đã đóng góp cho xã hội bằng việc tạo ra các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học và các đối tượng sở hữu công nghiệp. Xã hội phải bù đắp những chi phí, nỗ lực sáng tạo của họ và cách thích hợp nhất là trao cho chủ thể sáng tạo một số độc quyền trong thời hạn nhất định. Cơ sở của lập luận này là thuyết lao động và cùng hưởng thụ tài sản trí tuệ của Lock.⁴

Theo lập luận khuyến khích sáng tạo: chủ thể sáng tạo phải đầu tư thời gian, công sức, tài chính để tạo ra đối tượng sở hữu trí tuệ; cho nên, cần trao cho chủ thể sáng tạo một số độc quyền trong thời hạn nhất định nhằm khuyến khích họ sáng tạo. Lập luận này có điểm tương đồng với lập luận bù đắp chi phí cho chủ thể sáng tạo. Tuy nhiên, cốt lõi của lập luận bù đắp chi phí cho chủ thể sáng tạo là trao cho chủ thể sáng tạo những độc quyền như sự bù đắp cho những chi phí và nỗ lực mà chủ thể sáng tạo đã bỏ ra. Trong khi đó, cốt lõi của lập luận khuyến khích sáng tạo là phải thừa nhận và bảo vệ những độc quyền của chủ thể sáng tạo để khuyến khích họ sáng tạo.

Theo lập luận mở thông tin sáng tạo: khi chủ thể sáng tạo chấp nhận mở những thông tin về tài sản trí tuệ, xã hội được hưởng lợi từ việc sử dụng những đối tượng sở hữu trí tuệ. Do đó, xã hội phải thừa nhận và bảo vệ quyền cho chủ thể sáng tạo. Điều này được coi như một sự trao đổi.

Mặc dù có những điểm khác nhau, tuy nhiên các lập luận trên đây đều khẳng định sự cần thiết phải bảo vệ tài sản trí tuệ và quyền sở hữu đối với tài sản này của chủ thể sáng tạo và những chủ thể có liên quan khác.

Khái niệm “quyền sở hữu trí tuệ” liên quan chặt chẽ đến khái niệm “trí tuệ”, “tài sản trí tuệ” và “sở hữu trí tuệ”. Xét về ngữ nghĩa, “trí tuệ” là khả năng nhận

³ William M. Landes & Richard A. Posner, *The Economic Structure of Intellectual Property*, Belknap Press of Harvard University Press, 2003, trang 4; Peter Drahos, *A Philosophy of Intellectual Property*, Dartmouth Publishing, Aldershot, 1996, trang 72 – 91.

⁴ William M. Landes & Richard A. Posner, *The Economic Structure of Intellectual Property*, Belknap Press of Harvard University Press, 2003, trang 4; Peter Drahos, *A Philosophy of Intellectual Property*, Dartmouth Publishing, Aldershot, 1996, trang 72 – 91.

thức lý tính đạt đến một trình độ nhất định. “Tài sản trí tuệ” được sử dụng để chỉ những tài sản là kết quả sáng tạo trí tuệ của con người. “Sở hữu trí tuệ” là việc sở hữu đối với tài sản trí tuệ. Đối tượng của loại sở hữu này là những tài sản phi vật chất nhưng có giá trị kinh tế, tinh thần to lớn góp phần quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển nền văn minh, khoa học, công nghệ của nhân loại. “Quyền sở hữu trí tuệ” được sử dụng để nhấn mạnh quyền của chủ thể sáng tạo và các chủ thể liên quan khác đối với tài sản trí tuệ. Tuy nhiên, trong nhiều tài liệu cũng như trong thực tế, hai thuật ngữ “sở hữu trí tuệ” và “quyền sở hữu trí tuệ” lại được sử dụng với nghĩa như nhau.

Theo Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) - Tổ chức quản lý sở hữu trí tuệ quan trọng nhất trên phạm vi toàn cầu, tài sản trí tuệ được dùng để chỉ những sáng tạo trí tuệ của con người, bao gồm: giải pháp kỹ thuật, tác phẩm văn học, nghệ thuật, biểu tượng, tên, hình ảnh, kiểu dáng được sử dụng trong thương mại.⁵ Cũng theo WIPO, “sở hữu trí tuệ được hiểu theo nghĩa rộng là các quyền hợp pháp xuất phát từ hoạt động trí tuệ trong các lĩnh vực công nghiệp, khoa học, văn học và nghệ thuật”.⁶ Sở hữu trí tuệ được chia thành hai loại: sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý; và quyền tác giả bao gồm các tác phẩm văn học, nghệ thuật như tiểu thuyết, bài thơ, vở kịch, phim, tác phẩm âm nhạc, tác phẩm nghệ thuật như đồ họa, tranh, tác phẩm nhiếp ảnh, kiểu dáng kiến trúc. Quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm quyền của người biểu diễn đối với cuộc biểu diễn, quyền của nhà sản xuất bản ghi âm đối với bản ghi và quyền của tổ chức phát sóng đối với chương trình phát thanh, truyền hình.⁷ Như vậy, theo WIPO, “sở hữu trí tuệ” (intellectual property) và “quyền sở hữu trí tuệ” (intellectual property right) có thể được dùng thay thế cho nhau. Hơn nữa, cũng theo WIPO, sở hữu trí tuệ hay quyền sở hữu trí tuệ bao gồm: quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả và quyền liên quan. Quyền đối với giống cây trồng không xuất hiện với ý nghĩa là một bộ phận của quyền sở hữu trí tuệ trong các định nghĩa về sở hữu trí tuệ của WIPO.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ giải thích: “*Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.*” (Khoản 1, Điều 4).

⁵ Xem: <http://www.wipo.int/about-ip/en/>; WIPO, *What is Intellectual Property?*, WIPO Publication No. 450(E).

⁶ WIPO, *Introduction to Intellectual Property Theory and Practice*, Kluwer Law International, London - The Hague, Boston, trang 3.

⁷ Xem: http://www.wipo.int/freepublications/en/intproperty/450/wipo_pub_450.pdf